

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../20.../QH...

Hà Nội, ngày... thángnăm ...

DỰ THẢO
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Tài nguyên nước,

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước mưa, nước mặt, nước biển, nước dưới đất và các vật thể chứa nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Bổ sung khái niệm về an ninh tài nguyên nước nước.
- Bổ sung khái niệm về chỉ số an ninh tài nguyên nước.
- Bổ sung khái niệm vật thể chứa nước.
- Bổ sung khái niệm vùng bổ cập nước dưới đất và vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.
- Bổ sung khái niệm hoạt động khai thác tài nguyên nước.
- Bổ sung khái niệm hoạt động sử dụng tài nguyên nước.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về tài nguyên nước

- Bổ sung quy định về việc xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia, lưu vực sông.

- Bổ sung quan điểm, nguyên tắc về chính sách xã hội hóa hoạt động quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; thẩm định các dịch vụ công lĩnh vực tài nguyên nước; các hoạt động bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy.

Điều 5. Phổ biến, giáo dục về tài nguyên nước**Điều 6. Lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

Sửa đổi, bổ sung chi tiết yêu cầu, nội dung, trình tự lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong khai thác tài nguyên nước

Điều 7. Danh mục lưu vực sông, danh mục nguồn nước**Điều 8. Lưu trữ, sử dụng thông tin về tài nguyên nước****Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm****CHƯƠNG II****ĐIỀU TRA CƠ BẢN, CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH
TÀI NGUYÊN NƯỚC****Mục 1****ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 10. Trách nhiệm của Nhà nước trong điều tra cơ bản tài nguyên nước****Điều 11. Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước****Điều 12. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước****Điều 13. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước**

Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong hoạt động điều tra cơ bản.

Điều 14. Quản lý hoạt động điều tra bản (bổ sung)

Bổ sung trình tự quản lý các hoạt động điều tra cơ bản nhằm quản lý đồng bộ, thống nhất, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả điều tra cơ bản, tiết kiệm, tránh lãng phí nguồn lực

Mục 2**CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 15. Chiến lược tài nguyên nước

Điều 16. Quy hoạch về tài nguyên nước

Điều 17. Nguyên tắc lập quy hoạch về tài nguyên nước

Điều 18. Căn cứ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 19. Nội dung của quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 20. Nhiệm vụ lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 21. Thẩm quyền tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 22. Điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 23. Điều kiện của đơn vị tư vấn lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

Điều 24. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh (sửa đổi, bổ sung)

**CHƯƠNG III
BẢO VỆ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 25. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước

Điều 26. Phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Điều 27. Ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt

Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và hoạt động bảo vệ lòng bờ, bãi sông.

Điều 28. Quan trắc, giám sát tài nguyên nước

Điều 29. Bảo vệ và phát triển nguồn sinh thủy

- Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước, trong đó có cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan trong bảo vệ phát triển nguồn sinh thủy.

- Bổ sung các quy định cụ thể đối với hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy và phát triển nguồn nước. Đề xuất các giải pháp công trình “kho chứa nước” để tích trữ nước nhằm điều hòa nguồn nước giữa các mùa; bảo vệ và phục hồi thảm thực vật, đặc biệt là rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển nhằm tăng khả năng tích trữ nước, giảm thiểu lũ lụt về mùa mưa, tăng nguồn sinh thủy về mùa khô.

Điều 30. Bảo đảm sự lưu thông của dòng chảy

Điều 31. Hành lang bảo vệ nguồn nước

Điều 32. Bảo vệ lòng bờ, bãi sông (bổ sung)

Bổ sung quy định liên quan đến bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, trong đó bổ sung quy định về phạm vi bảo vệ và Luật hóa các quy định về hành lang, quy định về khai thác cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông ở các văn bản dưới Luật còn hiệu lực, hiệu quả.

Điều 33. Bảo đảm dòng chảy tối thiểu (bổ sung)

Điều 34. Bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt

Điều 35. Bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác

Điều 36. Phòng, chống ô nhiễm nước biển

Điều 37. Bảo vệ nước dưới đất

- Bổ sung quy định liên quan đến việc bổ sung nhân tạo cho nước dưới đất nói chung, đặc biệt là vùng đang bị hạn chế khai thác nước dưới đất.

- Bổ sung quy định về bảo vệ vùng bổ cập cho nước dưới đất.

Điều 38. Hành nghề khoan nước dưới đất

Điều 39. Xả nước thải vào nguồn nước

Bãi bỏ khoản 3, 4, 5, 6 Điều 37 của Luật TNN 2012 liên quan đến cấp phép xả nước thải vào nguồn nước

CHƯƠNG IV

KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Mục 1

SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 40. Nguyên tắc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả (bổ sung)**Điều 41. Biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả**

- Quy định rõ hơn các biện pháp, chế tài trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả đối với các hoạt động khai thác, sử dụng nước.

- Bổ sung quy định về sử dụng nước hướng đến tiết kiệm nước trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Điều 42. Hạn chế thất thoát nước trong các hệ thống cấp nước

Quy định rõ hơn các biện pháp, chế tài trong việc chống thất thoát, lãng phí nước trong các hệ thống cấp nước, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến cung cấp dịch vụ nước sạch và quản lý hệ thống truyền tải.

Điều 43. Ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả**Điều 44. Phát triển khoa học, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả****Mục 2****KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 45. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

Sửa đổi, bổ sung theo hướng tách bạch quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong khai thác tài nguyên nước và sử dụng tài nguyên nước

Điều 46. Khai thác tài nguyên nước (bổ sung)**Điều 47. Sử dụng tài nguyên nước (bổ sung)****Điều 48. Đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước**

- Bổ sung quy định chi tiết nội dung liên quan đến cơ chế, tổ chức thực hiện liên quan đến huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, các tổ chức chính trị xã hội trong thực hiện dịch vụ công.

- Sửa đổi, bổ sung cụ thể, rõ ràng, bảo đảm phù hợp với hiện trạng và quy mô, phương thức khai thác, sử dụng nước của từng ngành.

Điều 49. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sinh hoạt**Điều 50. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước để sản xuất nông nghiệp****Điều 51. Khai thác và sử dụng nguồn nước cho thủy điện**

Điều 52. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất muối và nuôi trồng thủy sản

Điều 53. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho sản xuất công nghiệp,

khai thác, chế biến khoáng sản

Bổ sung, cụ thể hóa các quy định, chế tài để quản lý các hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất trong khai thác các mỏ khoáng sản.

Điều 54. Khai thác, sử dụng nguồn nước cho giao thông thủy

Điều 55. Khai thác và sử dụng tài nguyên nước cho các mục đích khác

Điều 56. Thăm dò, khai thác nước dưới đất

Điều 57. Hồ chứa và khai thác và sử dụng nước của các hồ chứa

- Bổ sung quy định, cơ chế, chính sách về việc huy động các hồ chứa tham gia phòng chống lũ, cấp nước cho hạ du trong các trường hợp lũ lụt, hạn hán, thiếu nước.

- Bổ sung chặt chẽ các quy định về quản lý, vận hành khai thác, sử dụng nước các hồ chứa.

- Bổ sung quy định về trình tự, nội dung lấy ý kiến và chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền về tài nguyên nước về các nội dung liên quan đến quản lý, vận hành khai thác, sử dụng nước các hồ chứa.

Mục 3

ĐIỀU HÒA, PHÂN PHỐI TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 58. Điều hòa, phân phối tài nguyên nước

Điều 59. Chuyển nước lưu vực sông

Điều 60. Bổ sung nhân tạo nước dưới đất

Sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn các biện pháp bổ sung nhân tạo nước dưới đất nói chung, đặc biệt là vùng đang bị hạn chế khai thác nước dưới đất phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền.

Điều 61. Gây mưa nhân tạo

CHƯƠNG V

PHÒNG, CHỐNG VÀ KHẮC PHỤC

HẬU QUẢ TÁC HẠI DO NƯỚC GÂY RA

Điều 62. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Bổ sung cơ chế, chính sách chi trả kinh phí đối với đơn vị khai thác, sử dụng nước thượng nguồn nếu gây thiệt hại cho công trình công ích ở hạ du thì phải hỗ trợ kinh phí cho việc cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình công ích ở hạ du.

Điều 63. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại của nước do thiên tai gây ra

Điều 64. Phòng, chống hạn hán, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo

- Bổ sung quy định chi tiết về quản lý đào, san lấp ao, hồ chứa nước.

- Bổ sung quy định, nguyên tắc việc áp dụng các biện pháp thu gom nước mưa, giảm ngập lụt ở các khu đô thị, khu tập trung dân cư.

Điều 65. Phòng, chống xâm nhập mặn**Điều 66. Phòng, chống sụt, lún đất****Điều 67. Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông**

CHƯƠNG VI

AN NINH TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

(Bổ sung)

Điều 68. Nguyên tắc bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia**Điều 69. Trách nhiệm bảo đảm an ninh tài nguyên nước quốc gia****Điều 70. An ninh tài nguyên nước các nguồn nước xuyên biên giới****Điều 71. An ninh nước các lưu vực sông****Điều 72. An ninh nước cho sinh hoạt****Điều 73. An ninh nước cho các ngành sử dụng nước****Điều 74. An ninh nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước****Điều 75. Biện pháp bảo đảm an ninh tài nguyên nước****Điều 76. Giám sát an ninh tài nguyên nước**

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 77. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước**Điều 78. Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước****Điều 79. Giá trị của tài nguyên nước (bổ sung)**

Bổ sung chính sách theo hướng tính đúng, tính đủ giá trị của nước nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thất thoát, lãng phí nước và tránh thất thu ngân sách nhà nước. Đồng thời là động lực phát triển, kêu gọi các nhà đầu tư ở các thành phần kinh tế tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên nước.

Điều 80. Phân bổ nguồn thu (bổ sung)

- Bổ sung chính sách phân bổ các nguồn thu từ hoạt động tài nguyên nước.
- Bổ sung chính sách liên quan để phân bổ nguồn thu cho các đối tượng thụ hưởng từ hoạt động bảo vệ nguồn sinh thủy một cách hợp lý để khuyến khích quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và các hoạt động tạo nguồn sinh thủy.

Điều 81. Xã hội hóa (bổ sung)

Bổ sung các quy định, trình tự, phương thức, các chính sách cụ thể ở điều này nhằm tăng cường xã hội hóa trong các hoạt động thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước như: quan trắc tài nguyên nước; phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; bảo vệ lòng bờ, bãi sông, khôi phục cảnh quan, phát triển nguồn sinh thủy; hoạt động điều tra cơ bản; và dịch vụ công nhằm phù hợp với điều kiện thực tiễn về nguồn lực của nhà nước.

CHƯƠNG VII**QUAN HỆ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC****Điều 82. Nguyên tắc áp dụng trong quan hệ quốc tế về tài nguyên nước**

Điều 83. Trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam đối với nguồn nước liên quốc gia

Điều 84. Hợp tác quốc tế trong quản lý và phát triển tài nguyên nước**Điều 85. Giải quyết tranh chấp, bất đồng về nguồn nước liên quốc gia****CHƯƠNG VIII****TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 86. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ

- Thống nhất phân công trách nhiệm, phân cấp trong quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn nước;
- Bổ sung trách nhiệm về việc xây dựng, vận hành hệ thống chỉ tiêu, chỉ số theo dõi, đánh giá an ninh tài nguyên nước quốc gia, lưu vực sông.

Điều 87. Trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Ủy ban nhân dân các cấp

Bổ sung cơ chế nhằm tăng cường hiệu quả, hiệu lực, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức lưu vực sông.

Điều 88. Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông

- Bổ sung, thống nhất phân công trách nhiệm, phân cấp trong Điều phối, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên lưu vực sông

- Bổ sung chi tiết cơ chế điều phối, giám sát

Điều 89. Thẩm quyền cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép về tài nguyên nước

Điều 90. Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước

CHƯƠNG IX THANH TRA CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 91. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước

Điều 92. Giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước

CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 93. Điều khoản chuyển tiếp

Điều 94. Hiệu lực thi hành

Điều 95. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ